

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/04/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P10+TD1+P2	7:25	6+14+0	0+0+0		3+7+10	0+0+0	chuyen 5 p10-td1
2		P7+TD1+TD3	7:25	4+6+11	0+0+0		0+8+3	0+0+0	chuyen 60kg td1-td3
3		RP2+TD2+TD5	9:25	8+10+0	0+0+0		1+8+13	0+0+0	chuyen 1 td2-td5
4		C10+P4	9:25	14+7	0+0		11+9	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/04/2025	TO: P10 - TD1 - P2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VTHĂNG - NPHÚ - HIẾU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG VAN THANG	P10	44-45	2	19			63	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN THANH HAI	P10	42	1	10	1	16	81	XAYLAP	Vietnamese
3	VU CONG VIEN	P10	49-50	2	18			67	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAM NGOC DIEU	P10	41	1	15			81	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN VAN TOAN	P10	48	1	13			71	XAYLAP	Vietnamese
6	VU VAN DUC CHI	P10	46-47	2	10			67	XAYLAP	Vietnamese
7	HA MINH TUAN	TD1	90	1	4	2	40	67	KHOAN	Vietnamese
8	VU VAN KIEN	TD1	89	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
9	VU TU NAM	TD1	86	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM DOI	TD1	83	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VIET CHUONG	TD1	96	1	6			62	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TUAN DAT	TD1	85	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
13	DOROSHENKO MAXIM	TD1	93	1	10			98	KHOAN	Russian
14	NGUYEN TIEN QUANG	TD1	84	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
15	DOAN VAN KHANH	TD1	97	1	6			78	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN DUC ANH	TD1	93-94	2	19			91	ANTOAN	Vietnamese
17	VU XUAN TRUONG	TD1	91	1	10	1	13	67	ANTOAN	Vietnamese
18	LE MINH NAM	TD1	87-88	2	8			72	YTE	Vietnamese
19	LE VAN BINH	TD1	94	1	4			60	KHOAN	Vietnamese
20	PHAM DANG NINH	TD1	95	1	10			55	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	6	430	9	85	1	16	3	5	CHUYEN 5 PAX P10-TD1
2	TD1	14	1.031	16	101	3	53	7		
3	P2	0	0	0	0	2	40	10		
TOTAL		20	1.461	25	186	6	109	20		
WEIGHT KG			1.461		186		109			

GRAND TOAL: 1.756 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/04/2025	TO: P7 - TD1 - TD3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: PHÚ - LHM - DUNG	ETA: 09:25
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU ĐOAN HUNG	P7	99	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN MANH QUE	P7	87	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRUONG HONG HAI	P7	97-98	2	13		86	KH-THAC	Vietnamese
4	TA TRUNG DUNG	P7	700	1	11		93	KH-THAC	Vietnamese
5	MAI VAN TOAN	P7	88	1	5		57	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN DINH NAM	TD1	49-50	2	7		77	KHOAN	Vietnamese
7	LUU THIEN DUC	TD1	48	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM VAN THAI	TD1	52-53	2	19		82	SCHLUMBE	Vietnamese
9	VO TAN HOA	TD1	54-55	2	19		76	SCHLUMBE	Vietnamese
10	NGUYEN VAN DUNG	TD1	51	1	15		67	ANTOAN	Vietnamese
11	DINH VIET DUNG	TD1	47	1	9		60	DVL	Vietnamese
12	TRAN QUOC TOAN	TD3	34	1	16		93	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TAN	TD3	39	1	19		54	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAM QUANG CHUNG	TD3	40	1	15		55	XAYLAP	Vietnamese
15	LE PHU TOA	TD3	32	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAN DUY NGOC	TD3	28-30	3	14		54	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN KIM THANG	TD3	35-36	2	15	13	58	XAYLAP	Vietnamese
18	DO VAN HUYEN	TD3	38	1	18	10	80	XAYLAP	Vietnamese
19	NGO DINH THANG	TD3	26-27	2	18		64	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN NHU PHUONG	TD3	37	1	11		73	XAYLAP	Vietnamese
21	CU CHI CONG	TD3	31	1	19		68	XAYLAP	Vietnamese
22	HOANG DINH VINH	TD3	42-43	2	19		67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	5	6	45	381	0	0		
2	TD1	6	9	74	426	0	8	+ 60kg	CHUYEN 60KG HANG TU TD1 SANG TD3
3	TD3	11	16	179	731	23	3		
TOTAL		22	31	298	1.538	23	11		
WEIGHT KG				298	1.538	23			

GRAND TOAL: 1.859 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

pe ok tai nay?



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/04/2025	TO: RP2 - TD2 - TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: VTHANG - NPHU - HIEU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN QUOC CUONG	RP2	62	1	10	1	18	70	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐÀO HAI TUNG	RP2	54	1	12			77	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN TRAN TIN	RP2	50-51	2	14			77	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAM VAN LONG	RP2	61	1	13			66	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HÈ	RP2	57-58	2	17			63	XAYLAP	Vietnamese
6	HÒA QUANG THẮNG	RP2	52-53	2	15			66	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN QUANG VIỆT	RP2	55-56	2	13			66	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VĂN VINH	RP2	59-60	2	19			73	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM HUY THƯƠNG	TD2	24	1	11			88	DATAKAN	Vietnamese
10	ABDUL HADI AGNEL	TD2	25	1	10	1	12	78	DATAKAN	Indonesian
11	ĐÀO VĂN DŨNG	TD2	86	1	14			79	DATAKAN	Vietnamese
12	TRẦN TRUNG HẬU	TD2	23	1	9			59	DATAKAN	Vietnamese
13	VŨ NGỌC TŨ	TD2	75	1	13			75	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ NGỌC BÈN	TD2	87	1	13	2	40	72	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ ANH TUÂN	TD2	73	1	12			70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN PHƯƠNG DUY	TD2	27	1	14			135	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VĂN ĐỨC	TD2	28	1	15			76	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM TRUNG HIẾU	TD2	74	1	14			74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	8	558	13	113	1	18	1		
2	TD2	10	806	10	125	3	52	8+	1	CHUYEN 1 PAX TD2-TD5
3	TD5	0	0	0	0	1	3	13		
TOTAL		18	1.364	23	238	5	73	22		
WEIGHT KG			1.364		238		73			

GRAND TOAL: 1.675 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/04/2025	TO: CLO - P4	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: PHÚ - LÃI - DŨNG	ETA: 11:45
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ HAI LONG	CLO	08	1	6		81	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN HOANG TRƯỜNG	CLO	16	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN CHI NGHIỆP	CLO	09	1	3		84	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN SĨ LONG	CLO	04	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN VỊNH	CLO	12	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
6	TRƯỜNG ĐỨC THẮNG	CLO	10-11	2	16		59	KHOAN	Vietnamese
7	MAI TUẤN KIẾT	CLO	15	1	11		79	KHOAN	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN KHUU	CLO	02	1	11		62	KHOAN	Vietnamese
9	ĐOÀN VĂN MƯỜI	CLO	07	1	13		64	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN MẠNH	CLO	03	1	8		61	KHOAN	Vietnamese
11	VƯƠNG NGỌC HOÀN	CLO	13	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRUNG KIẾN	CLO	06	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VĂN TUẤN	CLO	05	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG VINH	CLO	14	1	14		79	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN CÔNG AN	P4	73	1	9	33	73	XAYLAP	Vietnamese
16	LÀ TUẤN LINH	P4	77	1	10	60	69	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐỖ MẠNH HÙNG	P4	80-81	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
18	HÀ XUÂN THANH	P4	75-76	2	18		74	XAYLAP	Vietnamese
19	VÕ HOÀNG LÂM	P4	78	1	15		66	XAYLAP	Vietnamese
20	CAO MINH CƯỜNG	P4	74	1	9		88	XAYLAP	Vietnamese
21	HOÀNG ĐỨC PHONG	P4	79	1	14		92	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	14	15	112	985	0	11		
2	P4	7	9	93	522	93	9		
TOTAL		21	24	205	1.507	93	20		
WEIGHT KG				205	1.507	93			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN